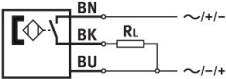


**Cảm biến tiệm cận**  
**SME-10M-DS-24V-E-2,5-L-OE**  
Số bộ phận: 551365

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                             | Giá trị                                                                             |
|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Thiết kế                                             | cho rãnh tròn                                                                       |
| Tuân theo tiêu chuẩn                                 | EN 60947-5-2                                                                        |
| Giấy phép                                            | Dấu RCM                                                                             |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                  | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                 |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS                               |
| Tính chất đặc biệt                                   | Chống dầu                                                                           |
| Ghi chú vật liệu                                     | Tuân thủ RoHS<br>không chứa halogen                                                 |
| Lưu ý áp dụng                                        | Tổng quan về cảm biến hỗ trợ / bộ truyền động "Cảm biến phù hợp với bộ truyền động" |
| Kích thước đo                                        | Vị trí                                                                              |
| Nguyên tắc đo lường                                  | khung gô từ tính                                                                    |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                       | -40 °C...70 °C                                                                      |
| Độ chính xác lặp lại                                 | 0.2 mm                                                                              |
| Đầu ra chuyển mạch                                   | lưỡng cực dựa trên tiếp xúc                                                         |
| Chức năng phần tử chuyển mạch                        | Cơ cấu đóng                                                                         |
| Thời gian bật                                        | 1.2 ms                                                                              |
| Thời gian tắt                                        | 1 ms                                                                                |
| Tần số chuyển mạch tối đa                            | 50 Hz                                                                               |
| Dòng điện đầu ra tối đa                              | 300 mA                                                                              |
| Dòng điện đầu ra tối đa trong bộ dụng cụ lắp         | 50 mA                                                                               |
| Hiệu suất chuyển mạch AC tối đa                      | 9 VA                                                                                |
| Hiệu suất chuyển mạch tối đa DC                      | 9 W                                                                                 |
| Công suất chuyển mạch DC tối đa trong đồ gá          | 1.5 W                                                                               |
| Công suất chuyển mạch tối đa AC trong bộ dụng cụ lắp | 1.5 VA                                                                              |
| Sụt áp                                               | 1.5 V                                                                               |
| Chống chịu ngắn mạch                                 | không                                                                               |
| Khả năng chống quá tải                               | không có sẵn                                                                        |
| Điện áp vận hành đo DC                               | 24 V                                                                                |
| Dải điện áp hoạt động AC                             | 5 V...30 V                                                                          |

| Đặc tính                                                    | Giá trị                                                                                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Dải điện áp hoạt động DC                                    | 5 V...30 V                                                                                                                                                                                        |
| Chống phân cực                                              | không                                                                                                                                                                                             |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối                               | Cáp                                                                                                                                                                                               |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối                          | đầu mở                                                                                                                                                                                            |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây                            | 3                                                                                                                                                                                                 |
| Hướng ra cổng nối                                           | dọc theo                                                                                                                                                                                          |
| Dòng điều kiện kiểm tra                                     | Độ bền mỗi khi uốn: theo tiêu chuẩn Festo<br>Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu<br>Độ bền xoắn: > 300 000 chu kỳ, $\pm 270^\circ / 0,1 \text{ m}$<br>Máng xích: > 5 triệu chu kỳ, bán kính uốn 28 mm |
| Chiều dài cáp                                               | 2.5 m                                                                                                                                                                                             |
| Đặc điểm dây dẫn                                            | độ phù hợp của máng xích/phù hợp với rô-bốt                                                                                                                                                       |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                                         | TPE-U(PUR)                                                                                                                                                                                        |
| Kiểu gắn                                                    | vặn chặt<br>có thể lắp vào rãnh từ phía trên                                                                                                                                                      |
| Mô-men xoắn siết tối đa                                     | 0.4 N m                                                                                                                                                                                           |
| Vị trí lắp đặt                                              | bất kì                                                                                                                                                                                            |
| trọng lượng sản phẩm                                        | 16.8 g                                                                                                                                                                                            |
| Vật liệu vỏ                                                 | PA gia cố<br>thép hợp kim cao không gỉ                                                                                                                                                            |
| Hiển thị trạng thái chuyển mạch                             | Đèn LED màu vàng                                                                                                                                                                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -20 °C...70 °C                                                                                                                                                                                    |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP65<br>IP68                                                                                                                                                                                      |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364-B2-L                                                                                                                                                                                    |